

BEGIN AGAIN
ENGLISH

**TÀI LUYỆN ÔN THI
TIẾNG ANH B1 – VSTEP
PHẦN THI VIẾT**

EBOOKBKMT.COM

HỖ TRỢ TÀI LIỆU HỌC TẬP

LÊ THANH TÚ NHÂN VÀ CỘNG SỰ

0906535797

VSTEP WRITING PART 1 – WRITING A LETTER

A successful letter consists of

(Một bức thư hoàn hảo bao gồm)

1. An appropriate greeting: (Dear Mr. Nhân, Dear Sir/Madam, etc,) (*Một lời chào thích hợp*)
2. An introductory paragraph which clearly states your reason for writing (*Một đoạn văn mở đầu với phát biểu rõ ràng nêu ra lý do viết thư*)
3. A main body in which develops the subject (*Thân bài noi phát triển đề tài*)
4. A conclusion in which you summarize the subject (*Một đoạn kết luận để tổng kết đề tài*)
5. An appropriate ending. E.g.: your faithfully/sincerely + full name, Best wishes + first name (*Kết thúc*)

Kinds of letters

FORMAL (TRANG TRỌNG)	INFORMAL (THÂN MẬT)
Formal greetings and endings (<i>lời chào và tạm biệt trang trọng</i>)	Informal greetings and endings (<i>lời chào và tạm biệt thân mật</i>)
Formal language (Complex sentence, non-colloquial language, advanced vocabulary) (<i>câu phúc, từ ngữ trang trọng, từ vựng nâng cao</i>)	Informal language styles (idioms, phrasal verbs, colloquial English and omission of pronouns) (<i>dạng ngôn ngữ thân mật: thành ngữ, tiếng Anh thông tục và rút gọn đại từ</i>)
No abbreviated forms (<i>Không có dạng tóm tắt</i>)	Abbreviated forms (<i>Dạng tóm tắt</i>)

BEGIN AGAIN

ENGLISH

LETTERS OF REQUEST

(Thư yêu cầu)

I. Common structure of a letter of request (Cấu trúc thông dụng trong thư yêu cầu)

Beginning	<p>State the reason for the letter (<i>Phát biểu lý do viết thư</i>)</p> <ul style="list-style-type: none">- Are you writing the letter in reply to an advertisement to ask for further information about a course, goods, services or anything else? (<i>Bạn đang viết thư để trả lời quảng cáo để có thêm thông tin về khóa học, đồ dùng, dịch vụ hay cái gì khác?</i>)- How, when and where do you know about the advertisement? (<i>Bạn biết cái quảng cáo ở đâu, khi nào, như thế nào?</i>)
Body	<p>What are your requests? (<i>Yêu cầu của bạn là gì?</i>)</p> <ul style="list-style-type: none">- The first request? (<i>Yêu cầu thứ nhất</i>)- The second request? (<i>Yêu cầu thứ</i>)- ...- Do you need to enclose anything, ex: a cheque, a deposit if you want to order goods or services? (<i>Bạn có muốn gửi kèm theo gì không?</i>)
Closing	Make some reference to hearing from a recipient

II. Useful languages

1. Request letters for goods and services (*Yêu cầu về đồ dùng và dịch vụ*)

Beginning	<ul style="list-style-type: none">- I am writing because I am interested in <i>your advertisement for the new models of computers sold in your company</i> (<i>Tôi viết thư bởi vì tôi hứng thú với quảng cáo về mẫu máy tính mới được bán trong công ty bạn.</i>)- I am writing on account of (<i>Tôi viết thư này bởi vì</i>)- I am writing to (<i>Tôi viết thư để</i>)
First request	<ul style="list-style-type: none">- Could you possibly send me..... as soon as possible? (<i>Bạn có thể gửi cho tôi...sớm nhất có thể không?</i>)

BEGIN AGAIN
ENGLISH

	<ul style="list-style-type: none"> - I would like you to (<i>Tôi muốn</i>) - I would be grateful if you could/would.....without delay (<i>Tôi rất cảm kích nếu bạn có thể... mà không chậm trễ</i>) - Would it be possible for you to send/sell..... (<i>Bạn có thể...</i>) - I would like to order..... from your company. (<i>Tôi muốn đặt... từ công ty bạn.</i>) - We would appreciate if you could.....immediately (<i>Chúng tôi đánh giá cao nếu bạn có thể ... ngay lập tức</i>)
Second request	<ul style="list-style-type: none"> - Could you also please send me/deliver..... (<i>Bạn có thể chuyển cho tôi.... được không?</i>) - Another thing/matter I need is..... (<i>Thứ mà tôi cần nữa đó là...</i>)
Making reference to hearing from the recipient	<ul style="list-style-type: none"> - I look forward to receiving your reply. (<i>Tôi chờ nhận được sự trả lời của bạn</i>) - I look forward to hearing from you at your earliest convenience (<i>Tôi chờ nhận được thông tin từ bạn sớm nhất có thể.</i>) - I am looking forward to hearing from you at any time which is convenient to you (<i>Tôi chờ bạn trả lời bất cứ lúc nào mà thoải mái với bạn</i>)
Closing	<ul style="list-style-type: none"> - Please call me at.....if you require further information. (<i>Làm ơn gọi tôi số...nếu bạn cần thêm thông tin</i>) - If you wish to confirm the above with me, I can be reached at 3245865 (<i>Nếu như bạn muốn xác nhận các điều trên với tôi, bạn có thể liên lạc với tôi qua số 3245865</i>) - If you have any requires, please give me a call at.....I look forward to hearing from you soon. (<i>Nếu bạn có yêu cầu gì, gọi tôi theo số...Tôi mong nghe tin từ bạn</i>) - Please do not hesitate to call me at.....if you wish to raise any questions. (<i>Làm ơn đừng do dự gọi tôi theo số...nếu bạn cần thêm bất kỳ câu hỏi nào.</i>)

2. Request letters for information (*Thư yêu cầu thông tin*)

Beginning	- With reference to your advertisement for the course of English on Facebook, I am writing to ask for further information about the course. (<i>Về sự liên quan đến quảng cáo của bạn về khóa học tiếng Anh trên Facebook, tôi viết thư để có thêm thông tin về khóa học.</i>)
First request	<ul style="list-style-type: none"> - Could you please tell me how long the course lasts/the length of the course? (<i>Bạn có thể làm ơn nói cho tôi khóa học kéo dài bao lâu?</i>) - Could you please explain.....? (<i>Bạn có thể làm ơn giải thích?</i>) - I would like instruction about..... (<i>Tôi muốn sự chỉ dẫn về...</i>) - I would appreciate information about.....(<i>Tôi rất biết ơn thông tin về...</i>) - Would it be possible for you to clarify.....? (<i>Bạn có thể làm rõ...</i>) - I would be very grateful if you could send me information/ directions/ instructions... (<i>Tôi rất biết ơn nếu bạn có thể gửi cho tôi thông tin/chỉ dẫn/..</i>)
Second request	<ul style="list-style-type: none"> - Another matter I need information on is.....(<i>Vấn đề nữa mà tôi cần thông tin đó là</i>) - Another point I am not certain about is..... (<i>Một điểm nữa tôi không chắc đó là...</i>) - I would also like some help/ information/ clarification on(<i>Tôi cũng cần một số trợ giúp/thông tin/..</i>)
Making reference to hearing from the recipient	<ul style="list-style-type: none"> - I look forward to receiving your reply. (<i>Tôi chờ phản hồi của bạn</i>) - I look forward to hearing from you at your earliest convenience - I am looking forward to hearing from you at any time which is convenient to you
Closing	

BEGIN AGAIN

ENGLISH

Exercise 1:

Write to a hotel and book a room (*Viết thư đến khách sạn và đặt phòng*)

Specify (*Chi rõ*)

- for how many people (*Cho bao nhiêu người*)
- For how long (*Bao lâu*)
- Arrival and departure (*Ngày đến và đi*)
- Any meal requirements (*Yêu cầu bữa ăn gì không*)

Exercise 2:

You have just got a job in Ho Chi Minh City, and, of course, you are rather pleased. However, you need to know certain things. You have no idea:

- How to join the health service scheme
- Where would you live?
- How to arrange your annual holidays

Write a letter requesting these instructions and directions.

(*Bạn vừa nhận một công việc ở thành phố Hồ Chí Minh và tất nhiên là bạn khá hài lòng. Tuy vậy, bạn cần phải biết một số điều. Bạn không biết gì về :*

- *Làm thẻ nào để tham gia dịch vụ y tế*
- *Bạn sẽ sống ở đâu*
- *Sắp xếp kỳ nghỉ hàng năm như thế nào*

BEGIN AGAIN

ENGLISH

LETTER OF GIVING OPINION

(Thư cho ý kiến)

I. Common structure

1. Beginning
2. Advice/ suggestion/ Opinion
3. Ending

II. Useful languages

Beginning	<ul style="list-style-type: none">- I am writing to response/ in reply to your letter asking for advice about (<i>Tôi viết thư để phản hồi thư của bạn hỏi cho lời khuyên về...</i>)- I hope the following advice/ suggestions will be of some help to you (<i>Tôi hy vọng những lời khuyên sau đây sẽ giúp bạn</i>)- I would like to give my views on...(<i>Tôi xin đưa ra quan điểm của tôi về...</i>)
Advice	<ul style="list-style-type: none">- I strongly recommend (+V-ing) that..... (<i>Tôi đặc biệt giới thiệu</i>)- I believe that the best course of action is.....(<i>Tôi tin hướng đi tốt nhất của hành động này là...</i>)- I would advise you to.....(<i>Tôi khuyên bạn nên</i>)- You ought to.....(<i>Bạn nên</i>)
Suggestions/ Recommendations	<ul style="list-style-type: none">- I would suggest that.....(<i>Tôi gợi ý</i>)- I would like to offer one/ two suggestions concerning (<i>Tôi muốn đưa ra vài gợi ý liên quan</i>)- May I suggest that.....(<i>Tôi có thể gợi ý rằng...?</i>)- Another suggestion would be to.....(<i>Gợi ý khác sẽ là...</i>)- I would venture to suggest doing.....(<i>Tôi mạo muội gợi ý...</i>)

BEGIN AGAIN

ENGLISH

Opinion	<ul style="list-style-type: none"> - I agree/ disagree with.....because.....(<i>Tôi đồng tình/không đồng tình với...bởi vì...</i>) - I am against the plan because.....(<i>Tôi phản đối phương án...bởi vì</i>) -In my view/ it seems to me that.....(<i>Theo tôi...</i>) - I would like to point out that.... (<i>Tôi muốn chỉ ra rằng</i>)
Ending	<ul style="list-style-type: none"> - I hope that these suggestions will be of some assistance (<i>Tôi hy vọng những gợi ý này sẽ giúp một ít</i>) - I hope you will accept this advice (<i>Tôi hy vọng bạn sẽ đồng tình với lời khuyên này</i>) - Please do not hesitate to contact me should you have any problems. (<i>Làm ơn đừng do dự liên hệ tôi nếu như bạn có bất cứ vấn đề gì</i>)

BEGIN AGAIN

ENGLISH

LETTERS OF GIVING INFORMATION

(Thư cung cấp thông tin)

I. Common structure

1. Reason for writing
2. First point
3. Further points
4. Ending the letter

II. Useful languages

Reason for writing <i>(Lý do viết thư)</i>	To inform good news <i>(Báo tin tốt)</i>	- I am writing to inform you that/ let you know that.....(<i>Tôi viết để báo cho bạn biết rằng</i>) - I feel delighted to inform you (<i>Tôi rất vui khi báo với bạn...</i>) - I would like to inform you that (<i>Tôi muốn báo bạn rằng</i>) - You will be pleased to hear that.....(<i>Bạn sẽ rất hài lòng khi nghe rằng</i>)
	To inform bad news <i>(Báo tin xấu)</i>	- We regret to inform you that (<i>Chúng tôi rất tiếc khi báo cho bạn rằng</i>) - I am afraid it would not be possible to... (<i>Tôi e rằng không thể...</i>) -I feel obliged to inform you.....(<i>Tôi bắt buộc phải báo với bạn rằng...</i>)

BEGIN AGAIN
ENGLISH

	To response information <i>(Phản hồi thông tin)</i>	<ul style="list-style-type: none"> - I am writing in response to your letter requesting information about..... (<i>Tôi viết thư để phản hồi thư yêu cầu cần thông tin của bạn về...</i>) - I am writing to provide you with information about...(<i>Tôi viết thư để cung cấp cho bạn thông tin về...</i>) - I am writing to reply to your enquiry about...(<i>Tôi viết thư để trả lời yêu cầu của bạn về...</i>)
First point		<ul style="list-style-type: none"> - The first thing I would like to inform you of is.....(<i>Điều đầu tiên tôi muốn thông báo cho bạn biết đó là...</i>) - The first thing I would like to tell you is..... - The first thing I wish to inform you of is..... - I would like to begin by informing you.....(<i>Tôi muốn bắt đầu bằng việc thông báo với bạn rằng...</i>) - Firstly, I would like to inform you that.....(<i>Đầu tiên tôi muốn thông báo với bạn rằng</i>)
Further points		<ul style="list-style-type: none"> - I would also like to let you know that.....(<i>Tôi cũng muốn cho bạn biết rằng...</i>) - I would also like to inform you that.....(<i>Tôi cũng muốn thông báo cho bạn rằng...</i>) - You might also find the following information useful...(<i>Bạn cũng có thể thấy thông tin sau hữu ích...</i>) - It might also be useful for you to know that...(<i>Sẽ rất hữu ích cho bạn khi biết rằng...</i>) - Another piece of information that might be useful is...(<i>Một phần</i>

BEGIN AGAIN

ENGLISH

	<i>(thông tin khác sẽ hữu ích đó là...)</i>
Ending the letter <i>(kết thư)</i>	<ul style="list-style-type: none"> - I hope that I have been able to answer all of your questions (<i>Tôi hy vọng rằng tôi đã trả lời tất cả câu hỏi của bạn.</i>) - I look forward to being able to help you again in the future (<i>Tôi mong chờ để có thể giúp bạn lần nữa trong tương lai.</i>) - Please do not hesitate to contact me if you have any further questions (<i>Làm ơn đừng do dự khi liên hệ với tôi nếu như bạn có câu hỏi nào thêm?</i>) - Please do not hesitate to ask should you need further assistance (<i>Làm ơn đừng do dự hỏi nếu như bạn cần thêm sự trợ giúp.</i>)

Exercise 1:

You might work at an English Center. Write a letter to your student to give him information about the new English course. In your letter:

- Give information about time and place to study
- Give advice about what he should bring in the first day

(Bạn làm việc tại một trung tâm Tiếng Anh. Viết một bức thư đến học sinh để cho họ thông tin về khóa học Tiếng Anh mới. Trong thư của bạn gồm :

- *Đưa thông tin về thời gian và địa điểm học*
- *Đưa lời khuyên nên đem những gì vào buổi học đầu tiên*

LETTERS OF COMPLAINT

(Thư than phiền)

I. Common structure

Beginning	<ul style="list-style-type: none"> - Why are you writing the letter? (<i>Lý do viết thư?</i>) - <i>When and where did the purchase or the service in the question take place?</i> (<i>Sự mua bán và dịch vụ ở câu hỏi diễn ra ở đâu và khi nào?</i>) - <i>How much did you have to pay for the goods or the service?</i> (<i>Bạn phải trả bao nhiêu cho đồ dùng và dịch vụ?</i>)
Body	<p>Mention the date, the place and the cost of the purchase or service in here if this has not been in the beginning (<i>Đề cập đến ngày, nơi và giá của giao dịch hay dịch vụ ở đó nếu như điều này chưa có trong phần mở bài</i>)</p> <p style="text-align: center;">When the details are about a chronological sequence of events</p> <ul style="list-style-type: none"> - How did you discover the problem? (<i>Bạn đã phát hiện ra vấn đề bằng cách nào?</i>) - What did you do after you discovered the problem? (<i>Bạn đã làm gì sau khi phát hiện vấn đề</i>) - Did you try to do anything to make those responsible to know about the problem? What are their reactions? (<i>Bạn đã làm gì để người chịu trách nhiệm biết về việc này chưa? Phản ứng của họ là gì?</i>) <p style="text-align: center;">When the details fall into groups of different inconvenience</p> <ul style="list-style-type: none"> - What was the first inconvenience? (<i>Sự bất tiện đầu tiên là gì?</i>) - What was the second inconvenience? (<i>Sự bất tiện thứ 2 là gì?</i>) - What was the final inconvenience? (<i>Sự bất tiện cuối cùng là gì?</i>)

BEGIN AGAIN

ENGLISH

Closing	<ul style="list-style-type: none"> - What do you feel about the situation? (<i>Bạn cảm thấy như thế nào về tình trạng đó</i>) - What do you think you should get in compensation for the inconvenience you had to suffer? Do you need to enclose anything, for example, the receipt? (<i>Bạn nghĩ thế nào về việc nhận đèn bù cho sự bất tiện mà bạn đã trả qua. Bạn có cần gửi kèm theo cái gì không? Ví dụ như biên lai</i>) - Do you intend to take any further action if your demands are not fulfilled? (<i>Bạn có định làm hành động gì thêm nếu yêu cầu của bạn không được thỏa mãn</i>)
---------	--

II. Useful languages

Beginning	<ul style="list-style-type: none"> - I am <u>writing to complain about/ express my concern about</u> a hair-dryer which <u>I bought/ purchased</u> in your shop last Saturday. (<i>Tôi viết thư để phàn nàn/bày tỏ mối quan tâm về cái máy sấy tóc tôi mua ở cửa hàng của bạn thứ 7 tuần trước</i>) - I am writing because I am not really <u>please with/ satisfied with</u> the quality as well as the service in the student's restaurant at your college in recent months (<i>Tôi viết thư bởi vì tôi thực sự không hài lòng về chất lượng cũng như phục vụ ở nhà hàng của sinh viên trong đại học vài tháng gần đây</i>)
Body	<ul style="list-style-type: none"> - Making a complaint : simple present (<i>Phàn nàn : hiện tại đơn</i>) - Describing the matter : past tenses (<i>Mô tả : Quá khứ đơn</i>)

BEGIN AGAIN
ENGLISH

	Demands	<ul style="list-style-type: none"> - I demand that you refund my money immediately (<i>Tôi yêu cầu bạn phải trả tiền của tôi ngay lập tức</i>) - I must ask you, therefore, either to replace the guitar or refund the price I paid for it, \$50 (<i>Tôi phải hỏi bạn để đổi cây guitar khác hoặc là trả lại phí tôi đã trả cho nó, 50\$</i>) - I feel that at the very least you owe my parents and me an apology. We await an answer from you. (<i>Tôi cảm thấy rằng ít nhất bạn nợ bố mẹ tôi và tôi một lời xin lỗi. Chúng tôi chờ trả lời từ bạn</i>)
Closing	Threats	<ul style="list-style-type: none"> - If you do not refund my money immediately, I will contact to my solicitor. (<i>Nếu như bạn không trả tiền của tôi ngay lập tức, tôi sẽ liên hệ đến luật sư của tôi</i>) - Unless I hear from you within ten days, I shall have to take legal advice on the matter (<i>Trừ khi tôi nghe từ bạn trong vòng 10 ngày thì tôi sẽ phải dùng pháp luật giải quyết</i>) - If the letter does not get any response, I intend to take up the matter with the Department of Home Affairs (<i>Nếu như lá thư này không nhận được phản hồi nào, tôi sẽ giải quyết vấn đề này với...</i>)

BEGIN AGAIN ENGLISH

Exercise 1 :

You have just returned from a trip to Florida. You flew there and back with “Ocean Air”. You decide to write to the airline to complain about your flight and ask for some money back.

Read the advertisement and the notes you made and then, using the information, write a letter to the airline. You may add other relevant points of your own

FLY OCEAN AIR TO FLORIDA

We offer :

- 4 flights a day late boarding
- Wide, comfortable seats
- Friendly, well-trained staff quite rude
- A good choice of food (no problem with special diets) no vegetarian for me
- The lastest in-flight entertainment movie already on TV

(Bạn vừa mới trở về từ chuyến đi đến Florida. Bạn bay tới đó và trở lại sân bay Ocean Air. Bạn quyết định viết thư đến sân bay để phản nàn về chuyến bay và yêu cầu trả lại tiền

Đọc quảng cáo và ghi chú bạn viết và rồi sử dụng những thông tin đó để viết thư đến hãng hàng không. Bạn có thể sử dụng một số ý liên quan theo ý của mình

FLY OCEAN AIR TO FLORIDA

Chúng tôi cung cấp :

- 4 chuyến bay trong một ngày lên máy bay muộn
- Ghế ngồi rộng và thoải mái
- Nhân viên thân thiện và được đào tạo tốt khá thô lỗ
- Sự lựa chọn tuyệt vời cho đồ ăn (không vấn đề gì với chế độ ăn uống đặc biệt không có thức ăn chay cho tôi)
- Dịch vụ giải trí mới nhất trên chuyến bay phim đã chiếu trên TV)

LETTERS OF APOLOGY

(Thư xin lỗi)

I. Common structure of a formal letter of apology

BEGINNING <i>Arrange your point in paragraph</i>	<p style="text-align: center;"><i>STATE THE REASON FOR YOUR LETTER</i></p> <p style="text-align: center;"><i>(Nêu lý do viết thư)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Why are you writing the letter? (Tại sao viết thư) - Give a brief details and express your regret about the trouble caused to the writer (Đưa ra bản tóm tắt chi tiết và bày tỏ sự hối tiếc của bạn về vấn đề xảy ra cho người gửi thư)
BODY <i>Arrange your point in paragraph</i>	<p style="text-align: center;"><i>EXPLAIN THE WHOLE CIRCUMSTANCES AND OFFER AN APOLOGY</i></p> <p style="text-align: center;"><i>(Giải thích toàn bộ hoàn cảnh và đưa ra một lời xin lỗi)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Give explanation (Giải thích) - Give appropriate apology (Đưa ra lời xin lỗi chính đáng) <p style="text-align: center;"><i>STATE ANY PROMISE YOU CAN MAKE TO RECTIFY THE SITUATION</i></p> <p style="text-align: center;"><i>(Đưa ra mọi lời hứa mà bạn có thể làm để sửa sai làm)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Do you promise any refund? (Bạn có hứa trả tiền không?) - Do you offer any discount to compensate the inconvenience caused to the writer? (Bạn có đề nghị bất cứ giảm giá nào để đền bù sự bất tiện xảy ra cho người viết thư không?) - Do you assure any improvement in the future? (Bạn có đảm bảo bất cứ sự cải thiện nào trong tương lai không?) - How do you feel about the situation? (Bạn cảm thấy thế nào về tình huống đó)
CLOSING	Once again express your regret about the situation and your expectation to serve the writer again in the future. (<i>Một lần nữa bày tỏ sự hối tiếc của mình về hoàn cảnh và sự mong đợi để phục vụ người viết một lần nữa trong tương lai</i>)

BEGIN AGAIN

ENGLISH

II. Useful language

Give a brief description of the issue (Đưa ra sự diễn tả ngắn gọn về vấn đề)

- I am afraid I (Tôi e rằng)
- I regret to say that (Tôi rất tiếc khi nói)
- We are very sorry that you received a defective (Chúng tôi rất tiếc khi bạn nhận...thiếu sót)
- Thank you for your letter informing me that.....(Cảm ơn thư của bạn để cho tôi biết rằng)

Apologize for an action, mistake or omission (Xin lỗi cho một hành động, lỗi hoặc sự thiếu sót)

- I apologize for/ for not (Tôi xin lỗi vì)
- I must apologize for
- I am extremely sorry for

Explanation (Giải thích)

- This was due to (Điều này bởi vì)
- This was because if (Bởi vì là)
- This reason for this was (Lý do cho điều này chính là)
- The reason for this has been that I forgot / misunderstood...(Lý do để điều này xảy ra đó là tôi quên/hiểu nhầm)

Promise to rectify the situation (if possible) (Hứa để cải thiện tình hình)

- I am coming to..... next week, so I...(Tôi dự định đến...tuần tới, vì thế tôi...)
- I am pleased to inform you that we are prepared to replace your faulty..... with a new one. (Tôi rất vui khi thông báo bạn rằng chúng tôi đang chuẩn bị để thay thế ... lỗi với một cái mới)

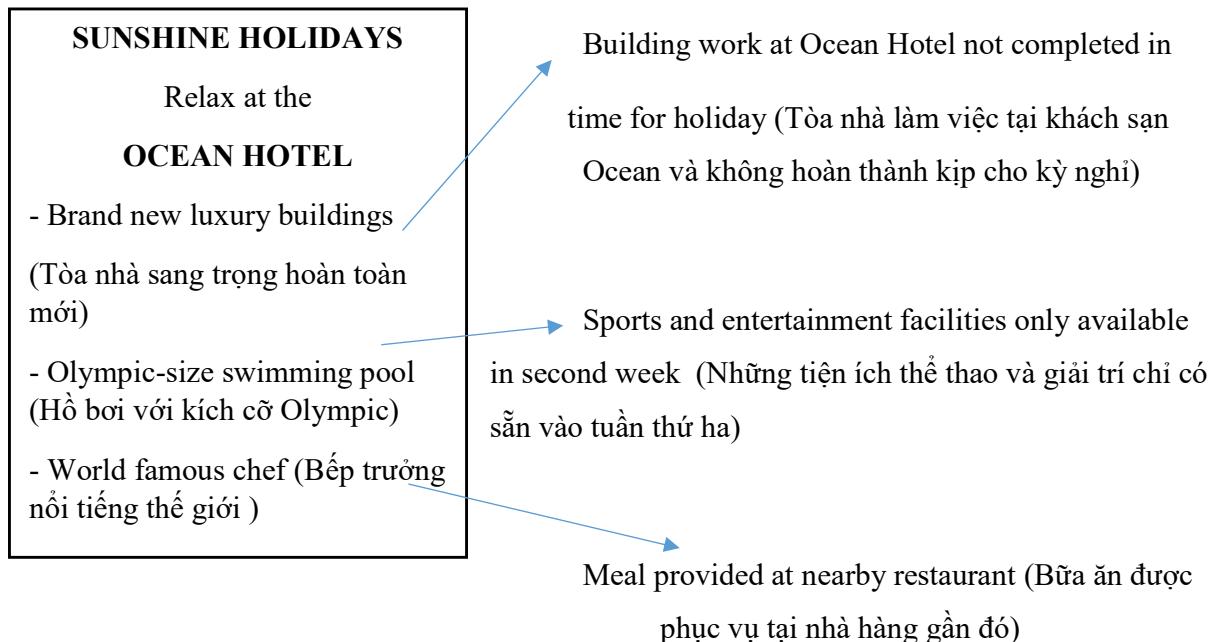
BEGIN AGAIN ENGLISH

The conclusion (Kết luận)

- Please accept our apologies for having delivered a fault product to you (Làm ơn chấp nhận lời xin lỗi của chúng tôi về đã chuyển một sản phẩm lỗi đến cho bạn)
- We very much regret for the inconvenience the holiday..... has caused to you (Chúng tôi rất tiếc cho sự bất lợi trong kỳ nghỉ đã xảy ra cho bạn)
- We hope that the refund/replacement will restore your confidence in us goodwill (Chúng tôi hy vọng rằng tiền bù/sự thay thế sẽ khôi phục lại sự tự tin của bạn ở chúng tôi và)

Exercise 1 :

You are Brian McGarret, the Organizer of the Sunshine Holidays. Due to circumstances beyond your company's control, there will be some changes to the holiday advertised. You are now writing to a customer who has already paid in full for the holiday, informing him/her changes to the holiday and apologizing for the changes, using the notes you have made



BEGIN AGAIN

ENGLISH

(Bạn là Brian McGarret, người tổ chức Sunshine Holidays. Bởi vì sự điều chỉnh của công ty mà
sẽ có một số thay đổi đến quảng cáo kỳ nghỉ. Bạn sẽ viết thư đến khách hàng đã trả đầy đủ phí
cho kì nghỉ lễ, thông báo cho họ về những thứ thay đổi trong kì nghỉ và xin lỗi về điều này, sử
dụng một số lưu ý mà bạn đã làm)

Exercise 2 :

Write a letter to DaNang General Sciences Library after you discover that you have accidentally
taken three of their library books home with you to your hometown.

(Viết một bức thư đến thư viện Đà Nẵng sau khi bạn phát hiện rằng bạn đã vô tình lấy 3 quyển
sách trong thư viện về nhà ở quê)

BEGIN AGAIN
ENGLISH

LETTERS OF APPLICATION

(**Thư xin việc**)

I. Common structure

1. An application letter for a job

Beginning	<ul style="list-style-type: none">- Why are you writing the letter? (<i>Vì sao bạn viết thư?</i>)- What is the post you desire to consider for? (<i>Vị trí nào mà bạn mong muốn được xem xét?</i>)- When and where did you hear about the vacancy? (<i>Bạn biết về vị trí còn trống đó ở đâu và khi nào?</i>) <p>=> Write in details (<i>Viết chi tiết</i>)</p>
Body	<ol style="list-style-type: none">1. How old are you and what is your marital status? (<i>Bạn bao nhiêu tuổi và tình trạng hôn nhân của mình?</i>)2. What is your education background? What relevant qualification have you got? (<i>Trình độ học vấn? Những khả năng liên quan mà bạn đạt được?</i>)3. Have you got any experiences relevant to the job? If yes, what are they? (<i>Bạn có kinh nghiệm gì liên quan đến công việc không? Nếu có thì đó là gì?</i>)4. Why have you decided to change your job (2 lines) (<i>Vì sao bạn quyết định thay đổi công việc</i>)5. Do you enclose any references (<i>Bạn có gửi kèm theo chứng nhận gì không?</i>)
Closing	<ul style="list-style-type: none">- Make some reference to hearing from the employer

BEGIN AGAIN

ENGLISH

2. An application letter for a course (Thư xin vào một khóa học)

Beginning	<ul style="list-style-type: none"> - Why are you writing the letter? (<i>Vì sao bạn viết thư?</i>) - What is the course you are applying for? (<i>Khóa học gì mà bạn đang xin vào?</i>) - When and where do you know about the course? (<i>Bạn biết khóa học này ở đâu và khi nào?</i>)
Body	<ul style="list-style-type: none"> - How old are you? (if you are not required to specify this) (<i>Bạn bao nhiêu tuổi?</i>) - What are your educational background and qualification? (<i>Trình độ học vấn và kỹ năng của bạn là gì?</i>) - Have you got any experiences relevant to the course? (<i>Bạn đã có bất kỳ kinh nghiệm gì liên quan đến khóa học chưa?</i>) - What are the reasons for your application? (<i>Lý do mà bạn xin vào?</i>)
Closing	Make some reference to hearing from the employer

II. Useful languages

Beginning	<ul style="list-style-type: none"> - With reference to your advertisement in <i>the Morning Post</i> on <i>24th April, 2016</i> for the post of <i>tourist guide</i>, I would like to apply for the job (<i>Về việc liên quan đến quản cáo của bạn ở Morning Post vào ngày 24 tháng 4, 2016 cho vị trí hướng dẫn viên du lịch, tôi muốn xin thử vào công việc này</i>) - I wish to apply for the post of <i>Housekeeping Supervisor</i>, I saw advertised in <i>yesterday's New York Times</i>. (<i>Tôi muốn thử vị trí quản gia, tôi thấy quảng cáo ở tờ New York Times ngày hôm qua</i>) - I am writing in <i>reply/in response</i> to your advertisement in the <i>the Daily News of 26th April, 2016</i> for the post of office clerk (<i>Tôi viết thư để phản hồi quảng cáo ở tờ Daily News vào ngày 26 tháng 4, 2016 cho vị trí thư ký văn phòng</i>)
-----------	---

BEGIN AGAIN
ENGLISH

Explain your educations	<ul style="list-style-type: none"> - I feel that my qualifications match your requirements as I will show you briefly as follows (<i>Tôi cảm thấy rằng năng lực của mình phù hợp với yêu cầu của bạn, tôi sẽ cho bạn thấy chi tiết như sau</i>) - My qualifications are as follows (<i>Kỹ năng của tôi là</i>) - I feel I am the right person for the post because my qualifications and experiences are extremely appropriate (<i>Tôi cảm thấy tôi là người thích hợp cho vị trí này bởi vì kỹ năng và kinh nghiệm của tôi cực kỳ thích hợp</i>) - I feel I would be suitable for this post/course because (<i>Tôi cảm thấy tôi thích hợp cho vị trí này bởi vì...</i>)
Explain your experience	<ul style="list-style-type: none"> - Having already worked as.....for.....I wish to extend my experience/ I feel I could be useful for you (<i>Đã từng làm việc với vị trí...cho...Tôi hy vọng được mở rộng kinh nghiệm của mình/ Tôi cảm thấy tôi sẽ có ích cho bạn</i>) - Recent experience: I have been working as.....for the last.....years (<i>Kinh nghiệm gần đây : Tôi từng làm...cho...năm trước</i>) - General experience: I have had experience of.....(<i>Kinh nghiệm chung: Tôi có kinh nghiệm trong...</i>) - Past experience: In 2009 I worked.....(<i>Kinh nghiệm quá khứ : Vào năm 2009 tôi làm việc</i>)
Explain your reason for the application	<ul style="list-style-type: none"> - One of the reasons I am applying.....is that.....(<i>Một trong những lý do tôi ứng tuyển...đó là...</i>) - One of the reasons for applying is.....
Mention enclosure	<ul style="list-style-type: none"> - Please find enclosed my curriculum vitae and two references as requested (<i>Làm ơn xem qua sơ yếu lý lịch và 2 chứng nhận kèm theo như yêu cầu</i>) - I enclose my qualifications and the names and addresses of two referees who can testify to my conduct and character. (<i>Tôi gửi kèm theo chứng chỉ của mình, tên và địa điểm của 2 người liên quan có thể chứng thực trình độ và đạo đức của tôi</i>)

BEGIN AGAIN ENGLISH

Closing	<ul style="list-style-type: none">- I could come for an interview at any time which would suit you (<i>Tôi có thể đến buổi phỏng vấn bất cứ lúc nào</i>)- I am available for an interview at any time convenient to you. (<i>Tôi có thể rảnh cho một buổi phỏng vấn bất cứ khi nào thoải mái cho bạn</i>)- I hope my application will receive your favorable consideration and that you will select me for an interview. (<i>Tôi hy vọng rằng đơn xin của tôi sẽ nhận được sự quan tâm của bạn và sẽ chọn tôi cho một buổi phỏng vấn</i>)
---------	---

EXERCISE 1

You decide to apply for the following jobs which you see advertised in a student newspaper. Write the letter of application. (*Bạn quyết định xin các công việc sau mà bạn thấy quảng cáo trong tờ báo sinh viên*)

PART TIME IMPORT/EXPORT CLERK

We are looking for an intelligent, self-confident young person who is fluent in at least one foreign language. The work involves answering correspondence, using a typewriter or work processor, and dealing on the phone with clients abroad. The working week will be 20 hours per week Monday-Friday, morning or afternoon only.

A good salary will be paid to a suitable applicant

Apply in writing to Ms.Brown, HT Enterprises, 41 Le Duan Street

Thư ký xuất nhập khẩu bán thời gian

Chúng tôi đang tìm kiếm một người trẻ thông minh và tự tin, thông thạo ít nhất một ngoại ngữ. Công việc bao gồm trả lời thư từ, sử dụng máy đánh chữ hoặc là bộ xử lý công việc và thỏa thuận với khách hàng nước ngoài trên điện thoại. Thời gian làm 20 giờ mỗi tuần từ thứ 2 đến thứ 6, sáng hoặc chiều.

Được trả lương bằng thích hợp với người xin việc.

Thử việc bằng cách viết thư đến Ms.Brown, HT Enterprises, đường Lê Duẩn.

INFORMAL LETTERS

(Thư thân mật)

Informal letters are usually written to family members, friends, relatives etc.

(Thư thân mật thường được gửi đến thành viên gia đình, bạn bè, người thân)

How to sound informal (Làm thế nào để nghe thân mật)

I. Useful language

Useful phrases for the opening

- How are you? / How have the family been? / I hope you are well.
(Bạn thế nào? Gia đình bạn như thế nào? Tôi hi vọng rằng bạn vẫn khỏe)
- Thank you / Many thanks for your (recent/last) letter / postcard.
(Cảm ơn/ Cảm ơn nhiều vì lá thư/ bưu thiếp lần trước)
- It was good / nice / great to hear from you again
(Thật tuyệt khi nghe hồi âm từ bạn)
- I was so surprised to hear that.....
(Tôi rất ngạc nhiên khi nghe rằng)
- I'm sorry I haven't written / haven't been in touch for such a long time
(Tôi xin lỗi vì đã không viết thư/không giữ liên lạc trong khoảng thời gian dài)
- It's ages since I've heard from you. I hope you're well / you and your family are well
(Đã rất lâu rồi tôi nghe tin tức từ bạn. Tôi hy vọng rằng bạn / gia đình bạn vẫn khỏe)
- How are things? / How are you? / How's it going?
(Mọi việc thế nào rồi?)

Other useful phrases

Referring to news

- Great news about.....Glad to hear that.....Sorry to hear about.....
(Tin tuyệt vời về....Rất vui khi nghe rằng...Rất tiếc khi nghe rằng)

BEGIN AGAIN

ENGLISH

Giving news

- Listen, did I tell you about.....? You'll never believe what.....
(Nghe này, tôi đã kể cho bạn về...chưa? Bạn sẽ không bao giờ tin rằng....)
- Oh, and another thing.....This is just to let you know that.....
(À còn điều này nữa... Chỉ muốn cho bạn biết rằng)
- I thought you might be interested to hear about / know that.....
(Tôi nghĩ bạn sẽ rất thích thú khi nghe/biết về...)
- By the way, have you heard about/ did you know that.....?
(Nhân tiện bạn đã nghe về/ Bạn đã biết về..?)

Apologies

- I'm writing to apologize for missing your party but I'm afraid I was with flu
(Tôi viết thư để xin lỗi về việc quên đi buổi tiệc của bạn nhưng tôi e rằng tôi đã bị ốm)
- I'm really sorry that I forgot to send you a birthday card but I was busy with my new job
(Tôi thực sự xin lỗi rằng tôi đã quên gửi thiệp sinh nhật đến cho bạn nhưng tôi quá bận với công việc mới của mình)

Invitations

- I'm/ we're having a party on Friday 19th and I/ we hope you'll be able to come.
- Would you like to come/ go to see "Room with a View" with me at the weekend?
- I was wondering if you'd like to go to the theatre / come on holiday with us
- Could you let me / us know if you can come / you'd like to join us?
- Thank you very much for invitation. I'd love to come.
- Thank you for asking / inviting me to.....but I'm afraid I won't be able to.....

Requests

- I'm writing to ask for your help / you (if you could do me) a favor
(Tôi viết thư để nhờ sự giúp đỡ của bạn / nếu bạn có thể làm cho tôi một việc?)
- I wonder if / I was wondering if you could help me / do me a favor
(Tôi đang tự hỏi liệu rằng bạn có thể giúp tôi...)

BEGIN AGAIN

ENGLISH

- I hope you don't mind me asking but could you (possibly)?
(Tôi hy vọng rằng bạn không phiền nếu tôi hỏi nhưng bạn có thể...?)
- I'd be very / really / terribly grateful if you could.....
(Tôi thật sự rất biết ơn nếu như bạn có thể...)

Thank you / Congratulations / Good luck

- I'm writing to thank you for your hospitality / the wonderful present.
(Tôi viết thư để cảm ơn lòng mến khách/ món quà tuyệt vời)
- It was so kind of you to invite me to stay with you
(Bạn thật tốt bụng khi mời chúng tôi ở với bạn)
- I really appreciated all your help / advice.
(Tôi thực sự cảm kích tất cả sự giúp đỡ/lời khuyên của bạn)
- Congratulations on passing your exams / your excellent exam results!
(Chúc mừng vì đã đậu kỳ thi/kết quả thi tuyệt vời)
- I wish you good luck / Good luck in / with your exams / your driving test / your interview
(Tôi chúc bạn may mắn trong kỳ thi/phỏng vấn)
- Don't worry, I'm sure you'll do well / pass
(Đừng lo, tôi chắc chắn rằng bạn sẽ làm tốt/đậu)
- Do be on time, won't you, and don't forget to.....
(Bạn sẽ đúng giờ chứ và đừng quên...)

Making suggestions and recommendations

- Why don't you.....? / Maybe you could? / How about.....?
(Tại sao bạn không...? Hoặc là bạn có thể...? ...thì sao?)
- You can't leave New York without (.....doing sth)
(Bạn không thể rời New York mà không...)
- I'm sure you will enjoy (.....doing sth). If you like, we can.....
(Tôi chắc chắn rằng bạn sẽ thích.... Nếu bạn thích chúng ta có thể...)
- Do visit...../ don't forget to.....
(Hãy ghé thăm.../Đừng quên...)

BEGIN AGAIN

ENGLISH

Closing

- Give a reason why you're ending the letter: Anyway, I must go and get on with my work! / I guess it's time I got on with my study
(Đưa ra lý do vì sao bạn kết thúc bức thư : Dù sao đi nữa thì tôi phải đi và tiếp tục công việc của mình/ Tôi đoán đã đến lúc tiếp tục học rồi)
- Send greetings or make reference for future contact : Give my love / regard to...../ Say hello to...../ Anyway, don't forget to let me know the dates of the party./ I'll try and phone you at the weekend to check the times. / We must try and meet up soon. / I can't wait to hear from you / Look forward to seeing you again / Hope to hear from you soon / See you soon / Write soon
(Gửi lời chào hoặc để lại lời nhắn cho sự liên lạc trong tương lai : Gửi lời chào của tôi đến.../Dù sao đi nữa đừng quên cho tôi biết ngày của bữa tiệc nhé/Tôi sẽ có gọi cho bạn vào cuối tuần để kiểm tra thời gian/ Chúng ta nên có gặp nhau sớm/ Tôi không thể chịu nổi để nghe thông tin từ bạn/....)
- Closing statement such as *Love, Lots of Love, All the best, Take care, Best wishes*, should be written on a new line. (Kết thúc lời phát biểu như : *Love, Lots of Love, All the best, Take care, Best wishes*,..và nên viết ở dòng mới)
- Signing off
(Ký tên)

II. Informal punctuation

- ❖ In informal writing, **exclamation marks** are widely used and are characteristics of a very chatty, conversational style :

Ex : No wonder she left him! / How awful!

- ❖ **Dashes** are highly characteristic of informal writing, they are used in two different ways

A pair of dashes is used for parenthesis

A single dash can mean *because, so, namely, etc*

- ❖ **Abbreviations**

BEGIN AGAIN ENGLISH

.....the Vatican and all the other important sights.....the Vatican, etc.

From Monday morning until Tuesday afternoon Mon a.m-Tuesday p.m

❖ Contractions

I will, She will not, we did not

I'll, She won't, We didn't

❖ Ellipsis

It was nice to hear from you

Nice to hear from you

I've just read your note

Just read your note

I was glad you could come

Glad you come

Do you remember me?

Remember me?

EXAMPLE

You have received a letter from your English friend, Kathy

I hear from you organized a surprise birthday party for your mother. I'd love to hear from about it. What kind of party did you organize? Who did you invite? How did it go? Tell me.

Love,

Kathy

Tôi nghe bạn đã tổ chức một bữa tiệc sinh nhật bất ngờ cho mẹ của bạn. Tôi rất thích nghe về nó. Bạn đã tổ chức bữa tiệc kiểu nào vậy? Bạn đã mời những ai? Nó diễn ra như thế nào? Nói tôi biết với nhé

Thân mến,

Kathy

BEGIN AGAIN
ENGLISH

Hi Kathy,

Good to hear from you again. I hope you're still enjoying your job.

I'm glad you asked me about the party I planned for my mother's birthday. Well, I have to say it was a fantastic success. I told my mother we were taking her out for a quiet meal at a local restaurant with just the family, but in fact I'd hired a large room in a hotel and invited all her old friends.

Anyway, I picked my mother up and told her I'd changed my mind. We were going to have a meal in a hotel. You should have seen her face when she walked into the room and everyone cheered! She just couldn't believe and burst into tears. Then the party got going and it didn't finish until four in the morning. We were absolutely exhausted, but my mother had had a wonderful time.

Must dash now – I've got to go college. Hope to hear from you.

Love,

Sandra

BEGIN AGAIN
ENGLISH

Chào Kathy,

Rất vui khi được nghe từ bạn. Tôi hy vọng rằng bạn vẫn đang tận hưởng công việc của mình

Tôi rất vui khi bạn hỏi tôi về bữa tiệc mà tôi đã lên kế hoạch cho bữa tiệc sinh nhật của mẹ mình. Chà, tôi phải nói đó là một sự thành công tuyệt vời. Tôi nói với mẹ tôi rằng chúng tôi đang đưa bà ấy đến một bữa ăn yên tĩnh ở một nhà hàng địa phương chỉ với gia đình, nhưng thực ra tôi đã thuê một căn phòng lớn trong một khách sạn và mời tất cả các bạn cũ của bà ấy

Dù sao đi nữa, tôi đoán mẹ tôi và nói với bà ấy rằng tôi đã đổi ý. Chúng ta đang đến một bữa ăn tại khách sạn. Bạn phải thấy vẻ mặt của bà ấy khi bước vào căn phòng và tất cả cùng chúc mừng. Bà ấy không thể tin được chuyện gì đang xảy ra và khóc. Sau đó bữa tiệc diễn ra và kết thúc vào lúc 4 giờ sáng. Tôi đã thực sự kiệt sức nhưng mẹ của tôi đã có một khoảng thời gian tuyệt vời.

Phải kết thúc bây giờ - Tôi phải đến trường. Hy vọng có thể nghe tin từ bạn

Yêu thương,

Sandra

VSEP WRITING PART 2 – WRITING AN ESSAY

(Viết tiểu luận)

A successful essay should consists of

(Một bài tiểu luận thành công nên bao gồm)

1. An introduction paragraph in which you clearly stated the topic to be discussed. (*Đoạn giới thiệu mà trong đó bạn sẽ phát biểu một cách rõ ràng về chủ đề được thảo luận*)
2. A main body, in which you clearly stated in separate paragraphs and exemplified or justified (*Phần chính trong đó bạn phát biểu một cách rõ ràng trong những đoạn riêng lẽ và được ví dụ hoặc được làm rõ*)
3. A closing paragraph summarizing the main points of the essay, in which you state/ restated your opinion, and/ or give a balanced consideration of the topic (*Một đoạn kết bài tổng kết những ý chính của bài tiểu luận, phát biểu lại ý kiến của mình, và đưa ra sự cân nhắc cân bằng của chủ đề*)

Should (Nên)

- Use formal style (*Sử dụng lời viết trang trọng*)
- Use topic sentence to introduce the subject of each paragraph (*Sử dụng câu chủ đề để giới thiệu về vấn đề mỗi đoạn*)
- Giving reason and examples following the topic sentences (*Đưa ra lý do và ví dụ đi sau mỗi câu chủ đề*)
- Use linking words / phrases (*Sử dụng từ, cụm từ nối*)
- Make references to other sources (e.g. experts have proved that....) (*Dẫn dắt đến những nguồn khác*)
- Answer the question, not the topic (*Trả lời câu hỏi chứ không phải chủ đề*)

Should not (Không nên)

- Use short form, informal/ colloquial language (*Sử dụng từ ngữ thân mật, dạng rút gọn,..*)
- Use very emotional language (e.g. I absolutely detest people who) (*Sử dụng từ ngữ biểu cảm*)

BEGIN AGAIN ENGLISH

- Express personal opinions too strongly (e.g I know....) instead, use milder expressions (e.g. It seems to me that....) (*Diễn đạt quan điểm cá nhân một cách mạnh mẽ thay vì diễn đạt một cách trung lập*)
- Use personal examples (e.g. in my school) (*Sử dụng ví dụ cá nhân*)

Types of essays

(Các loại tiểu luận)

For and against (discuss both sides)	State both sides
Opinion	State the side you agree with
Problems – solutions	State problem and solution

Techniques to begin your essay (Kỹ thuật để bắt đầu bài tiểu luận của mình)

- Address the reader directly (*Dẫn dắt người đọc một cách trực tiếp*)
e.g. if you take time to train your dog, it will learn to obey you.
- Include a quotation / direct speech (*Giới thiệu một đoạn trích dẫn / lời nói trực tiếp*)
e.g. As Gandhi said, “My grandfather once told me that there were two kinds of people : those who do the work and those who take the credit. He told me to try to be in the first group; there was much less competition”
- Include a rhetorical question (*Bao hàm một câu hỏi tu từ*)
e.g. is it true that a dog is man’s best friends?

Techniques to end your essay (Kỹ thuật để kết thúc bài tiểu luận)

- There are three ways as those to begin it (*Có 3 cách như cách bắt đầu*)
- Ask a provocative question (*Hỏi một câu hỏi kích thích*)
- End with a warning (*Kết thúc với một cảnh báo*)

BEGIN AGAIN

ENGLISH

- Suggest result or consequences (*Gợi ý kết quả hoặc hậu quả*)

- ❖ You should avoid in your conclusion (*Các em nên tránh những điều này trong kết câu của mình*)
 - introducing new ideas (*giới thiệu ý mới*)
 - focusing on a minor point in your composition (*chú trọng đến một điểm chính trong bài của mình*)
 - apologizing for your view by saying such as “ I may be not an expert “ or “at least this is my opinion” (*xin lỗi về quan điểm của mình ví dụ như nói “Tôi có thể không phải là một chuyên gia” hoặc “ít nhất đây là ý kiến của tôi”*)

BEGIN AGAIN

ENGLISH

FOR AND AGAINST ESSAYS

Some people believe the aim of university education is to help graduates get better jobs. Other believe that are much wider benefits of university education for both individuals and society

Discuss both views and give your opinion.

These days, more and more people are making the choice to go to university. **While some people are of the opinion** that the only purpose of a university education is to improve job prospects, **others think** that society and the individual benefit in much broader ways. **This essay will discuss these two opinions.**

It is certainly true that one of the main aims of university is to secure a better job. The majority of people who want to improve their future career prospect and attending university is one of the best way to do this as it increases a person's marketable skills and attractiveness to potential employers. In addition, further education is very expensive for many people, so most would not consider it if it would not provide them with a more secure future and a higher standard of living. Thus, job prospect are very important.

However, there are other benefits for individuals and society. Firstly, the independence of living away from home is a benefit because it helps the students develop better social skills and improve as person. A case in point is that many students will have to leave their families, live in halls of residence and meet new friends. As a result, their maturity and confidence will grow enabling them to live more fulfilling lives. / Secondly, society will gain from the contribution that the graduates can make to the economy. We are living in a very competitive world, so countries need educated people in order to compete and prosper.

Therefore, **I believe that** although a main aim of university education is to get the best job, there are clearly further benefits. If we continue to promote and encourage university attendance, it will lead to a better future for individuals and society.

Một số người tin rằng mục đích của giáo dục đại học là giúp đỡ những người tốt nghiệp có một công việc tốt hơn. Một số khác tin rằng có những lợi ích rộng hơn của giáo dục đại học cho cả cá nhân và xã hội

Thảo luận cả hai quan điểm và đưa ra ý kiến của em

Những ngày nay, ngày càng nhiều người quyết định đến đại học. Trong khi một số người có ý kiến rằng mục đích duy nhất của giáo dục đại học đó là cải thiện vấn đề việc làm, một số khác lại nghĩ rằng lợi ích xã hội và cá nhân thì lại rộng lớn hơn. Bài tiểu luận này sẽ thảo luận về hai ý kiến này

Một trong những mục đích chính của đại học là đảm bảo một công việc tốt hơn là hoàn toàn đúng. Phần lớn những người muốn cải thiện cơ hội việc làm trong tương lai và có mặt tại đại học là một trong những cách tốt nhất để làm việc này bởi vì nó gia tăng khả năng quảng bá của một con người. Bên cạnh đó, giáo dục khá đắt đỏ đối với nhiều người vì thế hầu hết sẽ không xem xét nó nếu như nó không cung cấp cho họ sự đảm bảo về nghề nghiệp tương lai và đời sống hơn tiêu chuẩn. Vì vậy, triển vọng về nghề nghiệp rất quan trọng

Tuy vậy, có một số lợi ích khác đối với cá nhân và xã hội. Đầu tiên là sự sống độc lập với nhà là một lợi ích bởi vì nó giúp sinh viên phát triển tối ưu các kỹ năng xã hội. Một trường hợp ở quan điểm này đó là có rất nhiều sinh viên phải rời gia đình của mình, sống trong ký túc xá và gặp bạn bè mới. Kết quả sẽ là tính trưởng thành và sự tự tin của họ sẽ tăng lên và có thể làm cho học sống một cuộc sống trọn vẹn. Thứ 2, xã hội sẽ có lợi từ việc đóng góp của những người có bằng cấp đối với kinh tế. Chúng ta đang sống trong một thế giới rất cạnh tranh, ví thế các nước cần phải giáo dục con người để có thể cạnh tranh và phát triển

Vì thế, tôi tin rằng mặc dù một mục đích chính của giáo dục đại học đó là có một công việc tốt nhất thì vẫn có những lợi ích thêm nữa. Nếu chúng ta tiếp tục thúc đẩy và khuyến khích việc đến trường, nó dẫn đến một tương lai tốt hơn cho các cá nhân và xã hội

BEGIN AGAIN

ENGLISH

I. Common structure in a “for and against” essay

Key question words	<ul style="list-style-type: none"> - Discuss the advantages and disadvantages (<i>Thảo luận lợi ích và bất lợi</i>) - Discuss the advantages and disadvantages and give your own opinion (<i>Thảo luận lợi ích, bất lợi và đưa ra ý kiến cá nhân</i>) - Discuss both views / sides of the argument (<i>Thảo luận cả 2 quan điểm</i>) - Discuss both views / sides of the argument and then given your own (<i>Thảo luận cả 2 quan điểm và sau đó đưa ra ý kiến của mình</i>)
Introduction	<p>Rephrase question (<i>Nói lại câu hỏi</i>)</p> <p>This essay discusses [both view + opinion]</p>
Body	<p>Side 1 : advantages / disadvantages (<i>Mặt 1 : lợi ích / bất lợi</i>)</p> <p>Side 2 : disadvantages / advantages (<i>Mặt 2 : bất lợi / lợi ích</i>)</p> <p>Note: Keep your own idea out of the body. This part is only about what people in general may think (<i>Giữ ý kiến cá nhân của mình ra ngoài phần thân. Phần này chỉ về mọi người nhìn chung có thể nghĩ gì</i>)</p>
Conclusion	<p>Opinion (<i>Ý kiến</i>)</p> <p>State that both are important (<i>Phát biểu rằng cả hai đều quan trọng</i>)</p> <p>State with one is more important / better (<i>Phát biểu cái nào quan trọng hơn</i>)</p>

BEGIN AGAIN

ENGLISH

II. Process of doing a “for and against” essay

Step 1: analyze the question (phân tích câu hỏi)

- Paraphrase the question: find the synonyms, phrasal verbs, etc. to write words with the same or related meaning

(Diễn giải câu hỏi : tìm từ đồng nghĩa, cụm động từ,..để viết các từ giống nhau hoặc cùng nghĩa)

- Find 2-3 advantages (+ examples or supporting information), 2-3 disadvantages (+examples or supporting information)

(Tìm 2-3 lợi ích + ví dụ hoặc thông tin hỗ trợ, 2-3 bất lợi + ví dụ hoặc thông tin hỗ trợ)

- Decide the structure of the essay

(Quyết định cấu trúc của bài tiểu luận)

Step 2 : Write your essay (viết bài)

Introduction	<ol style="list-style-type: none">1. Rephrase the question (Nhắc lại câu hỏi)2. Thesis statement (Phát biểu luận điểm)<ul style="list-style-type: none">• This essay discusses / examines this question from both points of view and then I will give my own perspective on the matter• This essay discussed [view A], and [view B], and then I will give my own opinion<p>Note: If you cannot rephrase the question, you can use the following to make introduction. (Nếu các em không thể nhắc lại câu hỏi, các em có thể sử dụng câu sau đây để tạo câu giới thiệu)</p><ul style="list-style-type: none">- People have different views about.....In my opinion, can and should be both.....
---------------------	---

BEGIN AGAIN

ENGLISH

Advantages (Lợi ích)	
On one side of the argument there are people who argue that..... First/ In the first place..... Let us start by considering..... Let us first consider the question of..... I should like to begin with..... The first obvious advantages / disadvantages of Secondly..... Moreover..... Furthermore..... Another thing is..... Another point in favor of is.....	Always add examples / explanations / illustrations / reasons / consequencesIt is essential to form paragraphs. Each paragraph must have a key sentence (- usually at the beginning). Don't write any one-sentence-paragraphs. Examples : Take for example.....Take for instance..... One example out of many is..... Just look at..... This idea can best be illustrated by an example.....
Disadvantages (Bất lợi)	
On the other hand ... So far we have only talked about the advantages. What about the disadvantages? So much about the advantages. There are also a number of disadvantages that must not be overlooked. Let us now turn to the drawbacks of..... Now it would also be interesting	Always add examples / explanations / Illustrations / reasons / consequences..... It is essential to form paragraphs. Each paragraph must have a key sentence (- usually at the beginning). Don't write any one-sentence paragraphs Examples : Take for example.....Take for instance..... One example out of many is.....

BEGIN AGAIN ENGLISH

	to..... Others oppose this view / strongly disagree	Just look at..... This idea can best be illustrated by an example.....
Conclusion	Personally, From my point of view, In conclusion I must say that	

III. Example:

Computers are being used more and more in education. Some people say that learning online is the best way to learn, whereas some claim that it is still better to attend a class with a teacher.

Discuss both sides of this argument and then give your own opinion

(Máy tính đang được sử dụng ngày càng nhiều trong giáo dục. Một số người nói rằng học trực tuyến là cách học tốt nhất, trong khi một số khác khẳng định rằng đến lớp với giáo viên vẫn là tốt hơn. Thảo luận cả 2 quan điểm và sau đó đưa ra ý kiến của em)

Step 1: Analyze the question (Bước 1: Phân tích câu hỏi)

- Rephrase the question: underline the key words (*Đọc lại câu hỏi : gạch chân những từ quan trọng*)

- *Computers are being used* = the use / application of computers
- *Education* = learning
- *More and more* = to develop, to increase, to become popular
- *Learning online* = study through the Internet
- *Attend a class with a teacher* = the present of a teacher, go to school

- Find for and against

For : teachers	Against : computers
- Solve students problems by giving extra explanation (Xử lý các vấn đề của sinh viên bằng cách đưa ra giải thích thêm)	

BEGIN AGAIN ENGLISH

- Can give feedback (Có thể đưa ra ý kiến phản hồi)	
---	--

Exercise 1: Complete the rest of step 1 (Hoàn thành bước 1)

Step 2: Write your essay (viết bài)

Introduction	<p>The application of computers in education is now popular all over the world. It is said that the most effective method to study is through the Internet. However, others believe going to school must be the best way. This essay examines this question from both points of view and then I will give my own perspective on the matter</p> <p>(Úng dụng của máy tính trong giáo dục hiện nay phổ biến trên thế giới. Nó được cho rằng phương pháp hiệu quả nhất để học đó là thông qua Internet. Tuy vậy một số tin rằng đến trường phải là cách tốt nhất. Bài tiểu luận này nghiên cứu câu hỏi này từ cả 2 quan điểm và tôi sẽ đưa quan điểm của riêng mình về vấn đề này)</p>
Body	<p>Against ...</p> <p>For...</p>
Conclusion	<p>Personally, I believe that the combination between the two methods can bring best results. However, if I had to pick one, I would choose to study with a teacher. Since computers are unable to replace a teacher's ability to explain things (Theo cá nhân mình, tôi tin rằng sự kết hợp giữa cả 2 phương pháp có thể đem lại kết quả tốt nhất. Tuy vậy, nếu tôi phải chọn một, tôi sẽ chọn học với giáo viên. Bởi vì máy tính không thể thay thế khả năng giải thích mọi vật của giáo viên)</p>

Exercise 2: complete step 2 (hoàn thành bước 2)

OPINION ESSAYS

Space exploration is much too expensive and the money should be spent on more important things

To what extend do you agree or disagree with this opinion?

There is an argument that exploring space is a waste of money and that there are more urgent needs to be addressed on earth, such as reducing poverty and preventing environmental destruction. However, **I am of opposing view to this opinion** for the following reasons.

First of all, many of the technologies we take for granted today were originated thanks to space research. Take satellite technology, for example, which we depend on for broadcasting and weather forecasting. Without satellites, we would not be able to follow global events as they happen, nor give populations any warning of approaching storms. Space research has also led to the development of new lightweight materials that offer us heat protection and enable food preservation. Therefore, the challenge of sending human beings into space has often driven the development of new technologies that benefit our everyday lives.

Second, we cannot foresee the distant future, so we ought to develop the capability to escape from the earth. Gradually, we are learning how humans can survive for long periods in space and even travel to other planets in the future. If space exploration is halted, this valuable knowledge will never be acquired. It is true that environmental destruction is also a serious issue, but it is also true that we remain dependent on our environment if we never accept the challenge of exploring other worlds.

In conclusion, while we undoubtedly face serious problems on our own planet, it is imperative that we continue to explore space. This will promote further technological advances as we as provide a possible means of escape should earth become uninhabitable in future. Ideally, all nations should cooperate in the advancement of space research

Khám phá không gian quá đắt đỏ và tiền bạc nên được sử dụng cho những thứ quan trọng hơn

Bạn đồng ý hay không đồng ý với ý kiến này?

Có một cuộc tranh cãi rằng khám phá không gian thì quá tốn tiền và có rất nhiều điều cấp bách cần được thực hiện trên trái đất như giảm nghèo và ngăn chặn phá hoại môi trường. Tuy vậy, tôi hoàn toàn trái ngược với ý kiến này bởi vì những lý do sau

Đầu tiên, nhiều công nghệ chúng ta có được như ngày hôm nay đều phải nhờ vào khám phá không gian. Lấy ví dụ là vệ tinh nhân tạo, cái mà chúng ta phụ thuộc cho truyền hình và dự báo thời tiết. Nếu như không có vệ tinh, chúng ta sẽ không thể theo dõi sự kiện toàn cầu khi chúng xảy ra, không thể đưa cho mọi người lời cảnh báo của một cơn bão đang áp đến. Vì thế, thách thức đưa con người vào vũ trụ đã dẫn đến sự phát triển của những công nghệ mới mà có lợi với cuộc sống hằng ngày

Thứ hai, chúng ta không thể biết trước khoảng cách tương lai, vì thế chúng ta phải phát triển sức chứa để thoát khỏi trái đất. Dần dần, chúng ta học được con người có thể sống sót trong giai đoạn dài như thế nào và thậm chí là du hành đến những hành tinh khác trong tương lai. Nếu như việc khám phá không gian bị ngừng lại, những hiểu biết giá trị này sẽ không bao giờ đạt được. Điều đó cũng đúng khi nói rằng việc phá hủy môi trường là một vấn đề nghiêm trọng nhưng nó cũng đúng khi chúng ta sẽ cứ lê thuộc vào môi trường nếu như chúng ta không bao giờ chấp nhận thử thách khám phá các thế giới khác

Kết luận, trong khi chúng ta đối mặt với những vấn đề nghiêm trọng trên chính hành tinh của mình thì tiếp tục khám phá không gian là rất cấp bách. Điều này sẽ thúc đẩy công nghệ tiên tiến cũng như cho ta có thể thoái khỏi trái đất khi nó trở nên không thể cư trú trong tương lai. Theo lý tưởng, tất cả các quốc gia nên hợp tác trong sự phát triển của việc khám phá vũ trụ

BEGIN AGAIN

ENGLISH

I. Common structure in an opinion essay

Key question words	<ul style="list-style-type: none"> • What is your opinion? (<i>Ý kiến của em là gì?</i>) • What do you believe? (<i>Bạn tin điều gì?</i>) • To what extent (how much) do you agree or disagree? [not only answer your side but also how much do you agree] (<i>Bạn đồng tình hay không định tình bao nhiêu?</i>) • Do you agree or disagree (<i>Bạn đồng tình hay không đồng tình</i>)
Introduction	<ol style="list-style-type: none"> 1. Rephrase the question (<i>Đọc lại câu hỏi</i>) 2. State your opinion (<i>Phát biểu ý kiến của bạn</i>)
Body	State reason with facts or examples to clarify the reason (2-3 reasons = 2-3 paragraph) (<i>Phát biểu lý do với dẫn chứng hoặc ví dụ để làm rõ lý do</i>)
Conclusion	Summarize your opinion / give your opinion in different words (<i>Tổng kết ý kiến của bạn / đưa ra ý kiến của bạn bằng từ ngữ khác</i>)

II. Process of doing an opinion essay

Step 1: Analyze the question (Phân tích câu hỏi)

- Paraphrase the question: find synonyms, phrasal verbs, etc. to write words with the same or related meaning. (Diễn đạt câu hỏi : tìm từ đồng nghĩa, cụm động từ,...để viết các từ đồng nghĩa hoặc có nghĩa liên quan)
- List reasons for and against. Choose the side that you have more ideas (Liệt kê lý do thuận và chống. Chọn quan điểm mà bạn có nhiều ý tưởng hơn)
- Back up your reason with clear examples (Dự phòng lý do của bạn với các ví dụ rõ ràng)
- Decide the structure of the essay (Quyết định cấu trúc của bài tiểu luận)

Step 2: Write your essay (Viết bài)

BEGIN AGAIN

ENGLISH

Introduction	<ul style="list-style-type: none"> 1. Rephrase the question (<i>Nói lại câu hỏi</i>) 2. State your opinion (<i>Phát biểu ý kiến của em</i>) <p>- I totally / strongly / somewhat + agree/ disagree for several / following reasons</p> <p>- Personally / in my opinion / to my mind ... I opposed to this opinion for the following reasons / I am of opposing view to this opinion for several reasons</p>
Body	<ul style="list-style-type: none"> • Reason 1 + examples (<i>Lý do 1 + ví dụ</i>) • Reason 2 + examples (<i>Lý do 2 + ví dụ</i>) <p>Useful expressions (<i>Các cách diễn đạt hữu ích</i>):</p> <ul style="list-style-type: none"> • The main reason why I believe Is because..... • Another reason is
Conclusion	<ul style="list-style-type: none"> • Summarize main points (<i>Tổng kết các điểm chính</i>) • Give your final opinion or recommendation (<i>Đưa ra ý kiến hoặc lời khuyên cuối cùng</i>)

III. Examples

Computers are being used more and more in education and some people believe there will soon be no role for the teacher in education.

To what extend do you agree or disagree?

*(Máy tính đang được sử dụng ngày càng nhiều trong giáo dục và một số người tin rằng sớm sẽ không còn vị trí nào cho giáo viên trong giáo dục nữa?
Quan điểm nào mà em đồng ý hoặc không đồng ý?)*

Step 1: Analyze the question (Phân tích câu hỏi)

- Rephrase the question (*Nhắc lại câu hỏi*)
- Reasons for and against (*Lý do đồng tình và phản đối*)

BEGIN AGAIN

ENGLISH

For	Against
Computer help us learn flexibly and save money (Máy tính giúp chúng ta học tập một cách linh động và tiết kiệm tiền)	<ul style="list-style-type: none"> - Teachers encourage and discipline students (<i>Giáo viên khuyến khích và kỷ luật học sinh</i>) - Teacher educate their student not only knowledge but also soft skill (<i>Giáo viên không chỉ giáo dục học sinh của họ về kiến thức mà còn cả các kỹ năng mềm</i>)

=> Disagree with the statement (Không đồng tình với phát biểu trên)

Step 2: Write your essay (Viết bài)

Introduction	Technology is being used unceasingly in the classroom and some people believe that educators will become redundant. I somewhat disagree that teacher will be replaced by machines (<i>Công nghệ đang được liên tục sử dụng trong lớp học và một số người tin rằng giáo viên sẽ trở nên thừa thãi. Tôi hơi có phần không đồng tình với ý kiến rằng giáo viên sẽ bị thay thế bởi máy móc</i>)
Body	<ul style="list-style-type: none"> - The main reason why I think teachers are important is because they encourage and discipline students (<i>Lý do chính tôi nghĩ giáo viên rất quan trọng đó là bởi vì họ khuyến khích và có thể kỷ luật học sinh</i>) + Examples or further information (<i>Ví dụ hoặc thông tin thêm</i>) - Another reason is because they can teach young people essential value and skills (<i>Lý do khác nữa đó là bởi vì họ có thể dạy cho giới trẻ giá trị cốt lõi và các kỹ năng</i>)
Conclusion	<ul style="list-style-type: none"> - In conclusion, I somewhat disagree that machines can replace teachers. This is because teachers can encourage students to learn and teach them how to interact with other people. (<i>Kết luận, tôi hơi có phần không đồng tình rằng máy móc có thể thay thế giáo viên. Điều này bởi vì giáo viên có thể khuyến khích học sinh học tập và dạy cho họ làm thế nào để tương tác với những người khác</i>)

BEGIN AGAIN

ENGLISH

Exercise 1: Complete or write a new essay on the above topic (Hoàn thành hoặc viết một bài tiểu luận mới về chủ đề bên trên)

Exercise 2

Some people believe that to protect local culture, tourism should be banned in some areas whereas others think that change is impossible and banning tourism will have no benefits

Discuss both sides and give your opinion

(Một số người tin rằng để bảo vệ văn hóa địa phương, du khách nên bị cấm ở một số khu vực trong khi một số khác nghĩ sự thay đổi đó không thể xảy ra được và việc cấm du khách sẽ không mang lại bất cứ lợi ích nào cả

Thảo luận cả hai quan điểm và đưa ra ý kiến của mình)

PROBLEMS – SOLUTIONS ESSAY

The Internet has transformed the way information is shared and consumed, but it has also created problems that did not exist before. What are the most serious problems associated with the internet and what solutions can you suggest?

The enormous growth in the use of the Internet over the last decade has led to radical changes to the way that people consume and share information. Although serious problems have arisen as a result of this, there are solutions.

One of the first problems of the Internet is the ease with which children can access potentially dangerous sites. Unless these websites are finely filter by parents, there is no doubt that this affects their thoughts and development, which is a negative impact for the children and for society. For example, pornography sites are easily accessible to them because they can register with a site and claim to be an adult. **Another major problem is the growth of online fraud and hacking.** These days, there are constant news stories government and company websites that have been hacked, resulting in sensitive information falling into the hands of criminals.

It is important that action is taken to combat these problems. **Governments should ensure that adequate legislation and controls are in place** that will prevent young people from accessing dangerous sites, such as requiring more than simply confirming that you are an adult to view a site. Parents also have a part to play. They need to closely monitor the activities of their children and restrict their access to certain sites, which can now be done through various computer programs. **Companies must also improve their onsite IT security systems** to make fraud and hacking much more difficult by undertaking through reviews of their current systems for weaknesses.

In conclusion, the Internet is an amazing technological innovation that has transformed people's live, but not without negative impacts. However, with the right action by individuals, governments and businesses, it can be made a safe place for everyone.

BEGIN AGAIN

ENGLISH

Internet đã biến đổi cách thông tin được chia sẻ và tiêu thụ, nhưng nó cũng tạo ra nhiều vấn đề mà không tồn tại trước đây. Vấn đề nghiêm trọng nhất có liên quan tới Internet là gì và những giải pháp nào mà bạn có thể gợi ý đưa ra?

Sự phát triển to lớn trong việc sử dụng Internet ở thập kỷ vừa qua đã dẫn đến những thay đổi đến cách con người sử dụng và chia sẻ thông tin. Mặc dù kết quả dẫn đến những vấn đề nghiêm trọng đã gia tăng những vẫn có những giải pháp sau

Một trong những vấn đề đầu tiên của Internet đó là trẻ em có thể dễ dàng tiếp cận đến những trang tiềm tàng nguy hiểm. Không nghi ngờ gì những tác động này sẽ ảnh hưởng đến suy nghĩ và sự phát triển của trẻ nhỏ trừ khi những trang này được sàng lọc kỹ càng bởi những bậc bô mẹ. Ví dụ những trang khiêu dâm rất dễ tiếp cận đến những đứa trẻ này bởi vì chúng có thể đăng ký với một trang và khẳng định rằng chúng là người lớn. Vấn đề khác đó là sự gia tăng của lừa đảo online và hack. Những ngày này luôn có những tin tức của chính phủ và các trang của các công ty bị hack, kết quả dẫn đến sẽ là những thông tin nhảy cảm sẽ rơi vào tay của những kẻ xấu

Quan trọng bây giờ là phải có những hành động đến những vấn đề này. Chính phủ nên đảm bảo pháp luật chặt chẽ và đặt ra những quyền hạn để ngăn giới trẻ truy cập những trang web nguy hiểm, ví dụ như yêu cầu nhiều hơn cách xác nhận là người lớn đơn giản để xem trang web. Bố mẹ cũng đóng một phần vai trò. Họ cần phải giám sát chặt chẽ những hoạt động của con em họ và ngăn chúng tiếp cận những trang web này, cách này giờ có thể làm được bằng nhiều chương trình máy tính. Các công ty cũng nên cải thiện hệ thống bảo mật thông tin để làm cho việc hack trở nên khó khăn hơn

Kết luận, Internet là một sự đổi mới công nghệ mà làm biến đổi cuộc sống của con người, nhưng không phải không có những tác động tiêu cực. Tuy vậy, với những hành động đúng đắn của các cá nhân. Chính phủ và các doanh nghiệp, nó có thể được làm là một nơi an toàn cho mọi người

BEGIN AGAIN

ENGLISH

I. Common structure of a “problems-solutions” essay. (*Cấu trúc thông dụng của bài tiểu luận “vấn đề-giải pháp”*)

- Key words in question: problem – solution, cause – effect

Block organization (Khối tổ chức)

Introduction
Problem 1
Problem 2
Transition sentence / paragraph
Solution 1
Solution 2
Conclusion

Chain organization (Tổ chức mốc xích)

Problem 1 and solutions to problem 1
Problem 2 and solutions to problem 2
Problem 3 and solutions to problem 3

II. Process of doing a “problem - solutions” essay (*Quy trình làm tiểu luận “vấn đề-giải pháp”*)

Step 1: Analyze the question (Phân tích câu hỏi)

- Rephrase the question (Nói lại câu hỏi)
- List table of problem + example and solutions (Liệt kê bảng vấn đề + ví dụ và giải pháp)
- Decide the structure of the essay (Quyết định cấu trúc của bài tiểu luận)

Step 2: Write your essay (Viết bài)

Introduction	<ul style="list-style-type: none"> — Rephrase the question (<i>Đọc lại câu hỏi</i>) — This essay discusses [problem and solution] (<i>Bài luận này thảo luận về gì</i>)
Body	<ul style="list-style-type: none"> — Problem signal words: because/since/as, resulted from, was the result of, effect of/consequence of, as a result of/ as a consequence of, lead to... (<i>Các từ biểu hiện vấn đề</i>) — Transition sentences : However, there're still solutions to these above problems (<i>Câu chuyển tiếp</i>)

BEGIN AGAIN

ENGLISH

Conclusion	<ul style="list-style-type: none"> - Summary of problem and solution (<i>Tổng kết vấn đề và giải pháp</i>) - Give opinion (<i>Đưa ý kiến</i>)
------------	---

III. Example

Explain some of the ways in which humans are damaging the environment. What can government do to address these problems? What can individual people do?

(*Giải thích một số cách mà con người đang hủy hoại môi trường. Chính phủ có thể làm những gì để giải quyết những vấn đề này? Cá nhân mỗi người có thể làm gì?*)

Step 1: Analyze the question (Phân tích câu hỏi)

- Rephrase the question (Đọc lại câu hỏi)
- List problems and solutions (Liệt kê các vấn đề và các giải pháp)

Problems	Solutions
<ul style="list-style-type: none"> - Air pollution (<i>Ô nhiễm khí</i>) Example : gas emissions from factories and exhaust fumes from vehicle => global warming (<i>khí ga tỏa ra từ các nhà máy và khói từ xe cộ => ám lên toàn cầu</i>) - Waste (<i>Rác thải</i>) Example : increase population => more trash to the river => polluted rivers/ oceans (<i>tăng dân số=> nhiều rác ở sông=> sông/đại dương bị ô nhiễm</i>) 	<ul style="list-style-type: none"> - Set up laws limit emissions (<i>Đặt ra các luật giới hạn khí thải</i>) - Raise awareness to use renewable energies (<i>Tăng hiểu biết về việc sử dụng năng lượng thay thế</i>) - Encourage to use public transportation (<i>Khuyến khích sử dụng phương tiện đi lại công cộng</i>)

BEGIN AGAIN

ENGLISH

Step 2 : Write your essay (Viết bài)

Introduction	<p>Humans are responsible for a variety of environmental problems, but we can also take steps to reduce the damage that we are causing to the planet. This essay will discuss environmental problems and some solutions that government and individuals can take to solve these problems</p> <p><i>(Con người chịu trách nhiệm cho nhiều vấn đề môi trường nhưng chúng ta cũng có thể từng bước giảm thiểu hại mà chúng ta đang gây ra hành tinh. Bài tiểu luận này sẽ thảo luận về vấn đề môi trường và một số giải pháp mà chính phủ và cá nhân có thể áp dụng để giải quyết những vấn đề này)</i></p>
Body	<ul style="list-style-type: none"> - List problems (<i>Liệt kê những vấn đề</i>) - Transition : However, governments and individuals now joining hands to deal with these problems (<i>Chuyển đổi câu : Tuy vậy, chính phủ và các cá nhân bây giờ có thể chung tay để giải quyết những vấn đề này</i>) - List solution (<i>Liệt kê giải pháp</i>)
Conclusion	<p>In conclusion, both government and every single person must take part in saving our planet (<i>Kết luận, cả chính phủ và mỗi cá nhân phải góp phần cứu hành tinh của chúng ta</i>)</p>

Exercise 1: complete or write a new essay on the above topic. (*Hoàn thành hoặc viết một bài luận mới về chủ đề bên trên*)

Exercise 2: the use of illegal drugs, such as heroin and cocaine, are becoming more and more common in many countries.

What are some of the problems associated with drug abuse, and what are some of the possible solutions?

(Việc sử dụng thuốc kích thích bất hợp pháp như heroin và cocaine đang ngày càng trở nên phổ biến ở nhiều quốc gia. Một số vấn đề liên quan đến việc lạm dụng thuốc là gì và một số giải pháp khả quan là gì?)

SUGGESTED TOPICS FOR WRITING ESSAYS

- 1.** Some people believe that to protect local culture, tourism should be banned in some areas whereas others think that change is inevitable and banning tourism will have no benefits

Discuss both sides and give your opinion

(Một vài người tin rằng để bảo vệ văn hóa địa phương, du lịch nên bị cấm ở một số khu vực trong khi đó một số người khác lại nghĩ việc thay đổi là không thể tránh khỏi và việc cấm du lịch sẽ không mang lại bất cứ lợi ích nào. Hãy thảo luận cả hai ý kiến trên và đưa ra quan điểm của bạn.)

- 2.** Some people think that when a person travels into a different culture they should adapt to the local practices and customs.

To what extend do you agree?

(Một số người nghĩ rằng khi một người tham quan ở một nền văn hóa khác, họ phải thích nghi với tập quán và phong tục của địa phương. Bạn có đồng ý với quan điểm đó không?)

- 3.** Some people regard video games as harmless fun, or even as an useful educational tool.

Others, however, believe that video games are having an adverse effect on the people who play them.

In your opinion, do the drawbacks of video games outweigh the benefits?

(Một số người cho rằng trò chơi điện tử như là thú vui vô hại hoặc thậm chí là dụng cụ giáo dục hữu ích. Tuy vậy một số khác tin rằng trò chơi điện tử lại có những tác dụng có hại với những người chơi chúng

Ý kiến của em, mặt hạn chế của trò chơi điện tử nhiều hơn lợi ích?)

- 4.** An increasing number of people are now using the internet to meet new people and socialise. Some people think this has brought people closer together while others think people are becoming more isolated.

Discuss both views and give your opinion.

(Một số lượng gia tăng của những người giờ đang sử dụng internet để gặp người mới và tương tác. Một số người nghĩ điều này mang con người lại gần nhau hơn trong khi một số khác trở nên tách biệt. Thảo luận cả 2 quan điểm và đưa ra ý kiến của mình)

BEGIN AGAIN ENGLISH

5. Some people think that companies should provide employees with exercise time during the day.

What is your opinion about this?

(Một số người nghĩ rằng các công ty nên cung cấp cho nhân viên thời gian tập thể dục trong ngày. Ý kiến của bạn về quan điểm này là gì?)

6. In many western countries there is an increasing number of couples choosing to have no children.

What are the advantages and disadvantages to couples having no children?

(Ở nhiều nước phương Tây, ngày càng nhiều cặp vợ chồng quyết không có con. Những thuận lợi và bất lợi cho các cặp vợ chồng không có con?)

7. The role of education is to prepare children for the modern world. Schools should cut art and music out of the curriculum so that children can focus on useful subjects such as information technology.

To what extent do you agree?

(Vai trò của giáo dục là chuẩn bị cho trẻ em thế giới hiện đại. Các trường học nên loại bỏ mỹ thuật và âm nhạc ra khỏi chương trình giảng dạy để trẻ có thể tập trung vào các chủ đề hữu ích như công nghệ thông tin. Bạn đồng ý ở mức độ nào?)

8. In the developed world, average life expectancy is increasing. What problems will this cause for individuals and society? Suggest some measures that could be taken to reduce the impact of ageing populations.

(Trong thế giới phát triển, tuổi thọ trung bình ngày càng tăng. Vấn đề này sẽ ảnh hưởng như thế nào đến mỗi cá nhân và toàn xã hội? Hãy đề xuất một số biện pháp có thể được thực hiện để giảm tác động của người già.)

9. Violence in the media promotes violence in society. To what extent do you agree?

(Bạo lực trong truyền thông sẽ thúc đẩy bạo lực trong xã hội. Bạn đồng ý ở mức độ nào?)

10. Some families decide not to buy televisions because they influence the development of the creativity of children. What do you think?

(Một vài gia đình quyết định không mua tivi bởi vì chúng ảnh hưởng đến khả năng sáng tạo của trẻ em. Bạn nghĩ gì về điều này?)

BEGIN AGAIN

ENGLISH

11. Some people think that all teenagers should be required to do unpaid work in their free time to help the local community. They believe this would benefit both the individual teenager and society as a whole.

Do you agree or disagree?

(Một số người nghĩ rằng tất cả thanh thiếu niên phải được yêu cầu làm công việc không lương trong thời gian rảnh để giúp đỡ cộng đồng địa phương. Họ tin rằng điều này không những có lợi cho thiếu niên mà còn giúp ích cho xã hội. Bạn đồng ý hay không đồng ý?)

12. We cannot help everyone in the world that needs help, so we should only be concerned with our own communities and countries.

To what extent do you agree or disagree with this statement?

(Chúng ta không thể giúp đỡ tất cả mọi người trên thế giới cần được giúp đỡ, vì vậy chúng ta chỉ nên quan tâm đến cộng đồng và quốc gia của chúng ta. Bạn đồng ý hoặc không đồng ý với tuyên bố này ở mức độ nào?)

13. Many people believe that alcohol causes many problems and there have been frequent calls for the government to ban it. To what extent do you agree?

(Nhiều người tin rằng rượu gây ra nhiều vấn đề, có khá nhiều cuộc gọi cho chính phủ về việc cấm sử dụng nó. Bạn đồng ý ở mức độ nào?)